TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 3 - 2020.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Rạt

Bà Trần Thị Đổi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1319/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1993. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị D, sinh năm 1993. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 18 tháng 12 năm 2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh và chị Lê Thị D chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận vào năm 2016. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng không phù hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vả, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Anh chị đã ly thân từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay, từ khi ly thân đến nay anh chị cũng không thể hàn gắn, đoàn tụ. Nay, anh yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị D.

Về con chung: Quá trình chung sống, không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị D trình bày tại Bản tự khai: Chị và T chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng không phù hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay, anh T xin ly hôn, chị đồng ý. Về con chung: Không có. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

Ngày 25/02/2020, chị D có đơn đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, anh Trần Văn T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho chị Lê Thị D, chị D có bản tự khai phản hồi ý kiến và có yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Trần Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị D, chị D hiện thường trú tại ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An và có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận vào năm 2018 nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Trong quá trình chung sống, anh T và chị D phát sinh mâu thuẫn nên sống ly thân từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay, anh chị cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh T yêu cầu ly hôn. Tại bản tự khai chị D cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy, anh T và chị D đều trình bày tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và đồng ý ly hôn nhưng Tòa án không tiến hành hòa giải được do anh T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị D là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về con chung và cấp dưỡng: Anh T và chị D thống nhất trình bày không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Anh T và chị D trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6]. Về nợ chung: Anh T và chị D trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 273, 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T đối với chị Lê Thị D về việc "Ly hôn".

Anh Trần Văn T được ly hôn với chị Lê Thị D.

2. Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004338 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- UBND xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Kim Thảnh